TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 268/2025/QĐST- HNGĐ	*Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 203/2025/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa:

***Nguyên đơn*:Chị Trần Thị Ánh T, sinh năm 1991.**

Số CCCD: 066191018838 cấp ngày 24/7/2021

Hiện trú tại: Thôn Đ, xã T, Huyện C,Thành phố Hà Nội (Nay là xã P,Thành phố Hà Nội)

***Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu B, sinh năm 1991**

Số CCCD: 001091043326 cấp ngày 24/7/2021

Hiện trú tại:Thôn Đ, xã T, Huyện C,Thành phố Hà Nội (Nay là xã P,Thành phố Hà Nội)

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Anh Nguyễn Hữu B và chị Trần Thị Ánh T có tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2011tại Ủy ban nhân dân xã E, Tỉnh Đack Lak (nay là xã A, Tỉnh Đắc Lắc). (Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Hữu B và chị Trần Thị Ánh T

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***1.Về con chung*:** Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Trần Quỳnh N, sinh ngày 22/6/2012 và cháu Nguyễn Hữu Hoàng P, sinh ngày 02/7/2015, Anh B và chị T thỏa thuận sau ly hôn để anh B nuôi cháu P, chị T nuôi cháu N đến khi các cháu trưởng thành, hai bên không phải đóng góp nuôi con chung cho đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Anh B, chị T có quyền thăm hỏi con chung không ai được ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về tài sản chung: Anh B, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Công nợ: Anh B, chị T1 khai không có .

***4. Các yêu cầu khác**:* Không có.

5. *Án Phí:* Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Ghi nhận sự thỏa thuận của Anh Nguyễn Hữu B và chị Trần Thị Ánh T về việc: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị Ánh T đã nộp tại biên lai số 0003981 ngày 12/8/2025 tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu Vực 6 Hà Nội. Hoàn trả lại chị T số tiền 150.000đ án phí ly hôn.

III. Hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các Đương sự;*
- *Viện kiểm sát ND khu vực 6 Hà Nội*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

PHẠM ĐỒNG TRƯNG